

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29/01/2021.

Về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tin.

2. Ông Nguyễn Văn Thông.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên Tòa có ông Võ Văn Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 285/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020, Vv: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-HPT ngày 12 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khối phố Mỹ Thạch T, phường Hòa T1, thành phố T, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khối phố Mỹ Thạch T, phường Hòa T, thành phố T, tỉnh Q.

Bà Đ có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Phong Đ, thành phố Cần T. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng những năm gần đây ông D không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt về gây gổ, xúc phạm vợ con, cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, cãi vã không thể hàn gắn được, Nay tình cảm vợ

chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Quang N, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Tổ T, sinh ngày 25-8-2005. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N đã trưởng thành, tự lực được về kinh tế nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không có lời trình bày tại phiên tòa hôm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn là chưa đảm bảo. Trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: xét đơn khởi kiện của bà Đ là có cơ sở nên đề nghị HĐXX xem xét quyết định cho bà Đ ly hôn với ông D, giao cháu T cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp con chung đối với ông Nguyễn Văn D, hiện trú tại: khối phố Mỹ Thạch T, phường Hòa T1, thành phố T, tỉnh Q. Vì vậy việc khởi kiện của bà Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Văn D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Đ và ông D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Nay cuộc sống chung giữa bà Đ và ông D không có hạnh phúc, nguyên nhân theo bà Đ là do ông D thường xuyên nhậu nhẹt về gây gổ, xúc phạm vợ con, cuộc sống vợ chồng luôn mâu thuẫn, cãi vã không thể hàn

gắn được và hiện nay bà không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D không đến, không thể hiện ý kiến về việc xin ly hôn của bà Đ, điều này chứng tỏ ông D không có thiện chí mong muốn vợ chồng trở về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng của bà Đ và ông D như vậy nếu có kéo dài thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ đối với ông D.

- Về con chung: trong quá trình hôn nhân bà Đ và ông D sinh được 02 người con là cháu Nguyễn Quang N, sinh năm 2001 và Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 25-8-2005. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy để đảm bảo cho việc phát triển bình thường của cháu nên giao cháu T cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Phần cấp dưỡng nuôi con chung bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Quang N đã trưởng thành, tự lực được về kinh tế nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: bà Phạm Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ với bị đơn ông Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 25-8-2005 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Quang N đã trưởng thành, tự lực được về kinh tế nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp

nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000đồng bà Phạm Thị Đ phải chịu được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng bà Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000839 ngày 09 tháng 10 năm 2020.

Bà Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- VKSND tp T;
- UBND xã Tân T;
- Chi cục T.H.A tp T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Đinh Thị Huỳnh Lý